

I. Trắc nghiệm: Đọc kỹ các câu hỏi sau, lựa chọn đáp án đúng nhất điền vào phiếu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1: Người ta dùng loài nào dưới đây làm thuốc chữa bệnh kinh giật?

- A. Da ếch B. Đùi ếch ương C. Nhựa cóc D. Trứng ếch

Câu 2: Cơ thể ếch ương căng phồng lên vì:

- A. đe dọa kẻ thù. B. bị bệnh.
C. ăn con mồi lớn. D. mang thai.

Câu 3: Éch giun sống

- A. trên mặt đất. B. dưới nước.
C. trên cành cây. D. chui luôn trong đất.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây không phải đặc điểm chung của lớp Bò sát?

- A. Là động vật hằng nhiệt
B. Da khô, vảy sừng bao bọc
C. Có cơ quan giao phối, thụ tinh trong
D. Trứng có màng dai

Câu 5: Éch cây là đại diện của bộ nào?

- A. Bộ Lưỡng cư có đuôi B. Bộ Lưỡng cư không đuôi
C. Bộ Lưỡng cư không chân D. Bộ Lưỡng cư có chân

Câu 6: Loài nào dưới đây tiêu diệt sâu bọ phá hoại mùa màng về ban đêm?

- A. Cóc B. Châu chấu C. Thỏ D. Cá chép

Câu 7: Loài nào dưới đây có giá trị dược phẩm?

- A. Da cá sấu B. Vảy thần lằn C. Mật trăn D. Da rắn

Câu 8: Thời gian thỏ mẹ mang thai khoảng:

- A. 20 ngày. B. 40 ngày. C. 30 ngày. D. 25 ngày.

Câu 9: Tai thỏ thính, vành tai rộng cử động được có tác dụng

- A. che chở, giữ nhiệt cho cơ thể. B. thăm dò thức ăn.
C. định hướng âm thanh. D. đào hang dễ dàng.

Câu 10: Phát biểu nào dưới đây về thú mỏ vịt là sai?

- A. Con cái có tuyến sữa B. Không có lông
C. Mỏ dẹp D. Chân có màng bơi

Câu 11: Hiện nay, lớp Thú có khoảng bao nhiêu loài?

- A. 1600 B. 2600 C. 3600 D. 4600

Câu 12: Đơi bay được là nhờ

- A. hai chi sau to, khỏe, đổi hướng linh hoạt.
B. hai chi trước biến đổi thành cánh có lông vũ.
C. hai chi trước biến đổi thành cánh có màng da.
D. hai chi sau nhỏ, yếu, bám vào cành cây.

Câu 13: Đặc điểm cấu tạo nào giúp cá voi thích nghi được ở vùng biển ôn đới và biển lạnh?

- A. Chi trước biến đổi thành chi bơi
B. Lớp mỡ dưới da rất dày
C. Vây đuôi nằm ngang
D. Chi sau tiêu biến

Câu 14: Động vật nào dưới đây thuộc bộ Ăn sâu bọ?

- A. Mèo rừng
B. Chuột chù
C. Chuột đồng
D. Sư tử

Câu 15: Hồ, suối, mèo rừng đều có đặc điểm

- A. thiếu răng cửa.
B. ngón chân không có vuốt.
C. răng nanh lớn, dài, nhọn.
D. có tuyến hôi ở hai bên sườn.

Câu 16: Trong các động vật dưới đây, động vật nào nhai lại?

- A. Trâu
B. Lợn
C. Hà mã
D. Tê giác

Câu 17: Loài nào dưới đây giúp thụ phấn cho cây trồng?

- A. Chim sẻ
B. Chim hút mật
C. Gà
D. Đà điểu

Câu 18: Lớp chim được chia thành các nhóm là?

- A. chim ở cạn, chim trên không, chim bơi.
B. chim bơi, chim bay, chim ở cạn.
C. chim chạy, chim ở cạn, chim bay.
D. chim chạy, chim bay, chim bơi.

Câu 19: Loài động vật nào dưới đây được huấn luyện để săn mồi?

- A. Chim cánh cụt
B. Chim ưng
C. Ngỗng trời
D. Vịt

Câu 20: Vì sao thỏ hoang chạy không dai sức bằng thú ăn thịt song một số trường hợp chúng vẫn thoát khỏi nanh vuốt của con vật săn mồi?

- A. Vì trong khi chạy, thỏ thường hát cát về phía sau
B. Vì thỏ có khả năng nhảy rất cao vượt qua chướng ngại vật
C. Vì thỏ chạy theo hình chữ Z khiến cho kẻ thù bị mất đà
D. Vì cơ thể thỏ nhỏ nên kẻ thù khó nhìn thấy

Câu 21: Phát biểu nào dưới đây về đặc điểm của bộ Linh trưởng là đúng?

- A. Ăn tạp nhưng ăn thực vật là chính
B. Bàn tay, chân có 4 ngón
C. Sống chủ yếu dưới nước
D. Di chuyển bằng hai chi trước

Câu 22: Đâu là hình thức sinh sản vô tính ở động vật?

- A. Phân đôi và mọc chồi
B. Phân đôi và chiết cành
C. Chiết cành và mọc chồi
D. Ghép cành và chiết cành

Câu 23: Loài nào dưới đây phát triển qua biến thái?

- A. Rắn hổ mang
B. Dơi
C. Châu chấu
D. Gấu túi

Câu 24: Lớp nào có tổ chức cơ thể tiến hóa thấp nhất?

- A. Thú
B. Bò sát
C. Chim
D. Lưỡng cư

Câu 25: Thứ tự nào sau đây đúng khi nói về mức độ tiến hóa của các lớp động vật trong cây phát sinh giới động vật?

- A. Thú → Chim → Bò sát
B. Chim → Bò sát → Thú
C. Chim → Thú → Bò sát.
D. Bò sát → Chim → Thú

Câu 26: Thiên địch để trứng tiêu diệt sinh vật gây hại là

- A. mèo rừng.
B. thỏ.
C. ruồi.
D. ong mắt đỏ.

Câu 27: Động vật ở môi trường nhiệt đới gió mùa có độ đa dạng sinh học

- A. rất thấp.
B. cao.
C. trung bình.
D. thấp.

Câu 28: Những động vật ở môi trường đới nóng thường có đặc điểm

A. bộ lông dày, không thấm nước.

B. ngón chân có màng bơi.

C. chân cao, móng rộng, có vuốt.

D. bộ lông mềm, mượt.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Nêu những đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay.

Câu 2 (1,5 điểm): Trình bày đặc điểm thích nghi về cấu tạo và tập tính của động vật đới lạnh. Nêu ví dụ minh họa.

----- **Hết** -----

Chúc các em làm bài tốt!